TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/DS- ST
Ngày: 29 /11/2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đặng Văn Minh

- Ông Lê Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thu Lệ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2018/TLST-DS, ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-DS, ngày 14/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L
Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B
Nơi đăng ký HKTT: Thôn 7, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.
Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2018, bản tự khai ngày 24/9/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày*: Ngày 21/9/2017, nguyên đơn có cho bị đơn Nguyễn Thị B vay (mượn) số tiền 100.000.000đồng (*Một trăm*

triệu đồng). Vì nguyên đơn và bị đơn có quan hệ quen biết với nhau nên nguyên đơn cho bị đơn vay không tính lãi (mượn) và thống nhất là 10 tháng sau tức là vào ngày 21/7/2018 bị đơn phải trả lại tiền cho nguyên đơn. Hiên nay, đã quá thời hạn trả nợ nguyên đơn đã nhiều lần trực tiếp gặp và liên hệ yêu cầu bị đơn trả số tiền 100.000.000 đồng mà bị đơn đã mượn của nguyên đơn nhưng bị đơn cố tình né trách không trả nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguên đơn số tiền 100.000.000đồng (*Một trăm triệu đồng*); Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử.v.v.) cho bị đơn nhưng bị đơn Nguyễn Thị B không đến Tòa để làm việc; đồng thời, cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hiện tại, bị đơn Nguyễn Thị B đã bỏ đi khỏi địa phương, không có mặt tại nơi cư trú.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự Thẩm phán, Thư ký tòa án, các Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn, đều thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Bị đơn không tham gia quá trình giải quyết vụ án nên vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000đồng (*Một trăm triệu đồng)*.

- Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

* Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là: Văn bản đề ngày 21/9/2017 có nội dung: *"B có lấy của L 100.000.000 đồng (Một trăm triệu) 10 tháng trả"*. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa để làm việc; đồng thời, cũng không có văn bản trình ý kiến về việc giải quyết vụ án nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Tranh chấp giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Lvà bị đơn Nguyễn Thị B là tranh chấp xuất phát từ hợp đồng vay tài sản. Trong vụ án này, cả nguyên đơn và bị đơn đều không có đăng ký kinh doanh; Bị đơn Nguyễn Thị B trú tại thôn 3, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là tranh chấp về dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị B đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử v.v.) nhưng bị đơn không đến Tòa để làm việc; Đồng thời, cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hiện tại, bị đơn Nguyễn Thị B đã bỏ đi khỏi địa phương, không có mặt tại nơi cư trú. Xét thấy việc vắng mặt của bị đơn là không vì trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Thị B.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ văn bản đề ngày 21/9/2017, có nội dung:*"B có lấy của L 100.000.000đồng (Một trăm Triệu) 10 tháng trả";* lời khai của người làm chứng ông Phạm D (chồng của bị đơn Nguyễn Thị B) thì có đủ chứng cứ để xác định ngày 21/9/2017, bị đơn Nguyễn Thị B có hộ khẩu thường trú tại thôn 7, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N; Hiện đang cư trú tại: Thôn 3, xã Đức N, huyện M, tỉnh Quảng N có vay của nguyên đơn Nguyễn Thị L số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 tháng tính từ ngày 21/9/2017. Hiện tại, đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 100.000.000 đồng = 5.000.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: AA/2016/0001097 ngày 18/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Về ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 01 Điều 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 100.000.000đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có thẩm quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn được thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự:

Bà Nguyễn Thị Búp phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: AA/2016/0001097 ngày 18/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn nơi người vắng mặt cư trú.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương